

Bản án số: 260/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 30 – 10 – 2023  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Bà Ngô Hồng Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Như H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: ấp Đồng Tâm A, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Vũ B, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp Đồng Tâm A, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Như H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Chị H và anh B tự nguyện chung sống năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh B không quan tâm lo lắng cho gia đình. Gia đình có hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn.

Chị H và anh B có 3 con chung tên Bùi Thành Đ, sinh năm 2000, Bùi Vũ Đ1, sinh năm 2004, Đ và Đ1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Bùi Triệu V, sinh năm 2017, hiện đang sinh sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc Triệu V, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Bùi Vũ B trình bày:*

Anh B thống nhất với lời trình bày của H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung như chị H trình bày là đúng, anh thống nhất với yêu cầu của chị H về con chung. Về tài sản chung và về nợ anh B cũng xác định không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng: Chị H và anh B tự nguyện chung sống từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị H yêu cầu được ly hôn, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị H và anh B không được pháp luật thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh B là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H và anh B thấy rằng: Bùi Thành Đ, sinh năm 2000 và Bùi Vũ Đ1, sinh năm 2004, chị H và anh B xác định Đ và Đ1 đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét là phù hợp. Đối với Bùi Triệu V, sinh năm 2017, hiện đang sinh sống với chị H. Chị H và anh B thoả thuận giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Xét thấy việc thoả thuận của chị H và anh B là tự nguyện và phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và về nợ: Chị H và anh B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Như H với anh Bùi Vũ B là vợ chồng.

- Về con chung: Giao Bùi Triệu V, sinh năm 2017 cho chị Nguyễn Như H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Triệu V đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Bùi Vũ B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Như H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000518 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị H đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Huỳnh Ngọc Mai**